

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THÀNH
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 29-11-2017

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Văn Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Quách Hà Vĩnh

Bà Quách Thị Tình

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Văn Thịnh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

Ngày 29 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 158/2017/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2017 về: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2017/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vũ Phương D - Sinh năm: 1992

HKTT: Thôn Án Đình, xã Thạch Bình, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Phạm Văn T - Sinh năm: 1992

HKTT: Thôn Án Đình, xã Thạch Bình, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/9/2017 và tại bản tự khai ngày 14/9/2017 chị Vũ Phương D trình bày: Chị và anh Phạm Văn T kết hôn tự nguyện, đăng ký ngày 13/12/2011 tại Ủy ban nhân dân xã Thạch Bình, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá. Sau ngày cưới, cuộc sống vợ chồng hoà thuận đến tháng 10/2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T cờ bạc, rượu chè, thỉnh thoảng còn đánh đập chị, không chịu tu chí làm ăn và không quan tâm gì đến vợ con. Chị và gia đình đã khuyên giải nhiều lần nhưng anh T vẫn không thay đổi. Không chịu được cuộc sống như vậy nên chị đã về nhà bố mẹ để sinh sống gần 01 tháng nay. Từ đó đến nay, vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm tới ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con cái: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Phạm Nhật H, sinh ngày 03/9/2012. Hiện cháu đang ở với chị. Nếu ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là 700.000đ (Bảy trăm ngàn đồng). Thời gian cấp dưỡng từ nay cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 14/9/2017, anh Phạm Văn T trình bày: Anh và chị Vũ Phương D kết hôn tự nguyện, đăng ký ngày 13/12/2011 tại Ủy ban nhân dân xã Thạch Bình, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống rất hoà thuận, nhưng khoảng 01 năm gần đây, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do anh ham chơi và cũng có lúc không quan tâm tới vợ con nhưng chỉ là lúc ham chơi, xong về với vợ con anh vẫn chăm lo tới cuộc sống của vợ con. Vì vậy anh cảm thấy những lý do đó chưa chính đáng và anh mong muốn được hoà giải để anh có một cơ hội bù đắp những gì mà anh chưa làm được cho vợ và con. Anh yêu cầu được đoàn tụ.

Về con cái: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Phạm Nhật H, sinh ngày 03/9/2012. Nếu ly hôn, nguyện vọng của con ở với ai thì người đó được quyền nuôi dưỡng và người kia phải chu cấp đầy đủ cho con đến 18 tuổi.

Về tài sản: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự nhưng anh T không có mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh T. Chị D đã có đơn đề nghị không tiến hành hoà giải nên Tòa án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 4 điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây gọi tắt là BLTTDS).

Theo ý kiến trình bày trong bản tự khai của hai bên đương sự và tại phiên toà: Chị D và anh T thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, thống nhất được người trực tiếp nuôi con là chị D và anh T cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 1.500.000 đồng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi, nhưng không thống nhất được về hôn nhân. Chị D xét thấy không còn niềm tin, tình cảm với anh T, không chịu đựng được cuộc sống hôn nhân hiện tại và vợ chồng đã sống ly thân nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T. Anh T thừa nhận cuộc sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng chưa đến mức trầm trọng, anh muốn vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con cái.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Chị Vũ Phương D và anh Phạm Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 13/12/2011 tại Ủy ban nhân dân xã Thạch Bình, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá và không vi phạm các điều 9, 10 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, là hôn nhân hợp pháp và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 điều 28 BLTTDS. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T ham chơi, không chịu tu chí làm ăn và không quan tâm tới vợ con. Vợ chồng đã sống ly thân, không ai quan tâm tới ai. Tuy anh T yêu cầu đoàn tụ, nhưng trong tất cả những lần Tòa án thông báo cho anh đến để Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ vợ chồng anh đều không có

mặt. Chúng tôi anh T không thiết tha hàn gắn tình cảm vợ chồng, xây dựng hạnh phúc gia đình. Tại phiên tòa anh T thiết tha mong muốn vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con cái, nhưng chị D cho rằng đã nhiều lần tha thứ cho anh T nhưng anh T vẫn không thay đổi nên chị không còn tin tưởng anh T nữa và chị kiên quyết ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị D được ly hôn anh T để giải phóng cho người phụ nữ là cần thiết và phù hợp pháp luật.

[2] Về con cái: Chị D và anh T có 01 con chung là cháu Phạm Nhật H, sinh ngày 03/9/2012. Hiện nay cháu H đang ở với chị D. Cả chị D và anh T đều có nguyện vọng: nếu vợ chồng ly hôn giao con chung cho chị D là người trực tiếp nuôi dưỡng, anh T cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là 1.500.000 đồng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Xét hoàn cảnh thực tế cháu H đang ở với mẹ. Cháu mới được hơn 05 tuổi, đang còn nhỏ, rất cần bàn tay chăm sóc của người mẹ, bên cạnh mẹ. Chị D hiện tại có công việc và thu nhập ổn định đủ điều kiện để nuôi con, chị thiết tha xin được trực tiếp nuôi con. Để không xáo trộn cuộc sống và để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển bình thường của con trẻ. Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu H cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm ngàn đồng) nhằm ưu tiên và đảm bảo quyền lợi cho người phụ nữ là cần thiết, phù hợp với nguyện vọng của hai bên đương sự và các quy định của pháp luật. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 11/2017 cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

[3] Về tài sản: Chị D, anh T không yêu cầu nên miễn xét.

[4] Về án phí: Chị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 điều 28, khoản 4 điều 207, điểm a khoản 2 điều 482 và khoản 4

điều 147 BLTTDS; Điểm a khoản 1 điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Xử cho chị Vũ Phương D được ly hôn anh Phạm Văn T.

Về con cái: Giao cháu Phạm Nhật H, sinh ngày 03/9/2012 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi thành niên. Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm ngàn đồng). Thời gian cấp dưỡng từ tháng 11/2017 cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

Khoản tiền cấp dưỡng nuôi con được thi hành ngay, mặc dù bản án có thể bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Anh T có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Từ khi chị D có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chưa thi hành án khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, hàng tháng anh T còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357 BLDS trên số tiền phải thi hành án, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Về án phí: Chị Vũ Phương D phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền chị đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành, theo biên lai số AA/2013/04247 ngày 14/9/2017. Chị D đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Phạm Văn T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị D, anh T. Chị D, anh T có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thạch Thành;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Hùng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Quách Hà Vĩnh

Quách Thị Tình

Phạm Văn Hùng

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thạch Thành;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Hùng

